

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Đức Cơ năm 2022

Thực hiện Chương trình hành động số 21-CTr/HU ngày 24/6/2021 của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Đề án số 12/ĐA-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/HU, ngày 21/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá VII về chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2022;

Thực hiện Nghị quyết số 108/NQ-HĐND, ngày 24/12/2021 của HĐND huyện về chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2022;

Thực hiện Quyết định số 3277/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện về giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển Kinh tế-Xã hội năm 2022.

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022, với những nội dung chính như sau:

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

I. Kết quả đạt được:

Năm 2021, Huyện ủy, UBND huyện tiếp tục tập trung lãnh, chỉ đạo sâu sát, tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời đối với từng xã, ban, ngành để thực hiện các mục tiêu của chương trình. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể huyện đã bám sát kế hoạch năm 2021 phối hợp hoạt động, tổ chức tuyên truyền tốt các nội dung và mục tiêu của chương trình. 10/10 xã, thị trấn (kể cả làng Trol đeng) ban hành kế hoạch về xây dựng xã nông thôn mới; thôn, làng nông thôn mới.

Công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của nhân dân được toàn thể hệ thống chính trị các cấp tăng cường phối hợp triển khai thực hiện đồng bộ hơn; đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn từng bước được nâng lên; cơ sở hạ tầng được đầu tư phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân; hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được củng cố, kiện toàn; quốc phòng và an ninh được đảm bảo, trật tự xã hội cơ bản ổn định. Một số xã thường xuyên chú trọng động viên tinh thần, vật chất, đóng góp nguồn lực của các tầng lớp nhân dân và doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn cùng chung sức xây dựng nông thôn mới.

Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đã đem lại thành công rõ nét, trong năm 2021, huyện được UBND tỉnh công nhận: 06 sản phẩm, gồm: 03 sản phẩm 4 sao (trong đó 02 sản phẩm nâng cấp từ 3 sao lên 4 sao) và 03 sản phẩm 3 sao; nâng tổng số sản phẩm OCOP toàn huyện lên 17 sản phẩm cấp tỉnh: 03 sản phẩm 4 sao và 14 sản phẩm 3 sao. Bên cạnh đó, một số cơ sở sản xuất, kinh doanh,

hợp tác xã mạnh dạn mở rộng sản xuất, kinh doanh; hình thành cửa hàng bán sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện, góp phần phát huy thế mạnh, lợi thế tại địa phương và nâng cao thu nhập cho nhân dân. Công tác giảm nghèo được chú trọng, quan tâm, kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2021 (theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020), khu vực nông thôn (không tính thị trấn Chư Ty) có 759 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 4,8% (tính cả hộ nghèo được bảo trợ xã hội), giảm 413 hộ nghèo so với cuối năm 2020.

Nguồn lực trực tiếp từ Chương trình và các nguồn vốn lồng ghép đã được phân bổ đầu tư tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới như: Đường giao thông, cơ sở vật chất văn hóa, trường học, công trình thủy lợi, phát triển sản xuất... đặc biệt, ưu tiên xã, thôn, làng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới góp phần phát huy hiệu quả của chương trình nông thôn mới tại địa phương.

Tiến độ thực hiện tiêu chí xã, thôn, làng nông thôn mới được đẩy mạnh, đến cuối năm 2021, có 03 xã đạt chuẩn 19/19 tiêu chí; các xã còn lại đạt từ 10-15 tiêu chí; tính chung toàn huyện, tổng số tiêu chí đạt được: 136 tiêu chí (tăng 08 tiêu chí so với năm 2020); bình quân số tiêu chí đạt: 15,1 tiêu chí/xã (tăng 0,9 tiêu chí so với năm 2020); toàn huyện có 14/73 thôn, làng được công nhận danh hiệu thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới (năm 2018: 01 làng DTTS; năm 2019: 02 làng DTTS; năm 2020 có thêm 08 thôn, làng (trong đó: 01 làng DTTS và 07 thôn); năm 2021: 03 thôn).

II. Tồn tại, hạn chế:

Năm 2021, diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp, kéo dài; các loại hình thiên tai (mưa lũ, lốc xoáy...) bất thường gây thiệt hại trong sản xuất của nhân dân, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thực hiện các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là tiêu chí thu nhập, giảm nghèo, nhà ở...

Đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn ở một số địa phương còn khó khăn, nhất là những làng đồng bào DTTS; an ninh chính trị còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp...

Công tác phối hợp giữa Ban Chỉ đạo, UBND các xã và các ban, ngành, cơ quan chuyên môn được phân công phụ trách tiêu chí, phụ trách xã vẫn chưa thực sự chặt chẽ, gắn kết nên trong quá trình đánh giá thực trạng nông thôn và xây dựng kế hoạch, đề xuất giải pháp thực hiện chưa được đồng bộ (02 xã không đạt được 03 chỉ tiêu thành phần và 06 thôn, làng chưa đạt chuẩn theo kế hoạch đăng ký từ đầu năm).

PHẦN II KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2022

I. Mục tiêu

1. Chỉ tiêu thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới:

- Đối với 03 xã: Ia Dom, Ia Krêl, Ia Nan đã đạt chuẩn nông thôn mới: Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí.

- Đối với 06 xã còn lại: Ia Kriêng, Ia Kla, Ia Din, Ia Đok, Ia Lang, Ia Pnôn, mỗi xã phấn đấu đạt thêm từ 03 nội dung thành phần tiêu chí trở lên.

(Chi tiết theo phụ lục 01 kèm theo).

2. Chỉ tiêu thực hiện Bộ tiêu chí thôn, làng nông thôn mới:

- Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí đối với 14 thôn, làng đã được UBND huyện công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (giai đoạn 2018-2020: 11 thôn làng; năm 2021: 03 thôn), không để tụt tiêu chí đã đạt.

- Chỉ tiêu đăng ký với Tỉnh: Phần đầu đạt thêm 06 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó, có 01 làng đồng bào dân tộc thiểu số).

(Chi tiết theo phụ lục 02 kèm theo).

- Chỉ tiêu phần đầu với Huyện: Các thôn, làng đăng ký thực hiện đạt chuẩn trong giai đoạn 2021-2025: Tiếp tục thực hiện các giải pháp để đạt thêm các tiêu chí để đảm bảo đúng lộ trình đạt chuẩn theo Đề án số 12/ĐA-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện (Để đăng ký đạt chuẩn thôn, làng nông thôn mới phải đảm bảo đạt tối thiểu 14 tiêu chí).

(Chi tiết theo phụ lục 03 kèm theo).

II. Nhiệm vụ và giải pháp:

1. Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể đối với từng xã:

Các xã, thị trấn chịu trách nhiệm chính về triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn mình quản lý. Trong đó, Bí thư Đảng ủy kiêm Trưởng Ban Chỉ đạo; đồng chí Chủ tịch UBND xã kiêm Trưởng Ban Quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã cần nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện chương trình và chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Huyện ủy, UBND huyện về kết quả thực hiện chương trình tại địa phương vào cuối năm 2022. Nhiệm vụ cụ thể sau:

1.1. Xã Ia Dom

1.1.1 Bộ tiêu chí xã nông thôn mới: Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng 19/19 tiêu chí đã đạt chuẩn, không để tụt các tiêu chí đã đạt. Cụ thể cần nâng cao chất lượng một số tiêu chí sau:

- Tiêu chí giao thông (2): Cần chú trọng đề xuất lồng ghép các nguồn vốn ngân sách (vốn giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, tiền sử dụng đất...) và huy động nguồn lực xã hội hoá để xây dựng đường trục thôn, làng, đường liên thôn (2.2); đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm (2.4) trong tổng số 4,7km chưa được cứng hóa; đối với các công trình, tuyến đường đã đánh giá đạt chuẩn, nhưng xuống cấp, hư hỏng thì đề xuất để bố trí sửa chữa.

- Tiêu chí Nhà ở dân cư (9): Hướng dẫn người dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng để sửa chữa, chỉnh trang nhà ở và khuôn viên trong gia đình, chỉnh trang hàng rào cổng ngõ; huy động nguồn vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ hộ nghèo, hộ khó khăn về nhà ở trên địa bàn, trong tổng số 395 nhà chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định (hiện nay chiếm tỷ lệ 77,24% so với mức đạt chuẩn là 75%).

- Nội dung 14.3: Tập trung các giải pháp nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo (hiện nay chiếm tỷ lệ 27,85% so với mức đạt chuẩn là 25%).

- Nội dung 15.1: Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế (hiện nay chiếm tỷ lệ 85,87% so với mức đạt chuẩn là 85%).

- Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm (17): Kết hợp các nguồn vốn để hỗ trợ, vận động các gia đình ở khu vực nông thôn: Sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh

đạt tỷ lệ trên 97% (17.1); Xây dựng nhà vệ sinh, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt đảm bảo 3 sạch trong tổng số 637 hộ (17.6); Xây chuồng trại chăn nuôi, hầm bioga đảm bảo vệ sinh môi trường trong tổng số 38 hộ (17.7). Vận động, hướng dẫn người dân nông thôn phát triển sản xuất, sửa chữa hàng rào, khơi thông cống rãnh quanh nhà, xử lý rác thải đúng quy định, trồng cây xanh quanh nhà.

1.1.2. Bộ tiêu chí thôn, làng nông thôn mới:

a) Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng 19/19 tiêu chí đã được công nhận đạt chuẩn tại 02 thôn, làng: Mook Trêl và Ia Mút, không để tụt các tiêu chí đã đạt.

b) Phần đầu xây dựng làng Mook Trang đạt chuẩn nông thôn mới

Đến cuối năm 2021, làng Mook Trang đạt 15/19 tiêu chí. Còn 04 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 9 (Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình) Tiêu chí số 10 (thu nhập); Tiêu chí 13 (Tổ chức sản xuất); Tiêu chí 15 (Y tế). Cụ thể:

- Nội dung 9.2. Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng các loại cây có mang lại thu nhập cho người dân (yêu cầu: Đạt 100%).

+ Thực trạng: Hiện có 157/259 hộ dân (60,62%); còn 102 hộ dân chưa đảm bảo.

+ Giải pháp thực hiện: Đảng uỷ xã chỉ đạo Uỷ ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, phối hợp với các đơn vị ban ngành các cấp, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức huy động các nguồn lực để tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân chỉnh trang lại vườn hộ, trồng cây xanh; cải tạo vườn để tạo cảnh quan xung quanh nơi ở và mang lại thu nhập đối với các hộ dân chưa đảm bảo.

- Nội dung 9.3: Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh-sạch đẹp (yêu cầu: Đạt).

+ Thực trạng: Hiện có 157/259 hộ dân (60,62%); còn 102 hộ dân chưa đảm bảo.

+Giải pháp thực hiện: Đảng uỷ xã chỉ đạo Uỷ ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, phối hợp với các đơn vị ban ngành các cấp, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức huy động các nguồn lực để tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh-sạch đẹp.

- Nội dung 9.5: Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng (yêu cầu: Đạt từ 75% trở lên)

+ Thực trạng: Hiện có 205/325 hộ (chiếm tỷ lệ 63,07%); còn lại 120 hộ chưa đảm bảo

+ Giải pháp thực hiện: UBND xã chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế-Hạ tầng huy động các nguồn lực và hướng dẫn, tuyên truyền, vận động tối thiểu 40 hộ dân trở lên chỉnh trang nhà ở đảm bảo quy định đạt chuẩn.

- Nội dung 10: Thu nhập bình quân đầu người (yêu cầu đạt chuẩn: trên 41 triệu đồng/người/năm; Năm 2022 chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể).

+ Thực trạng: Đến cuối năm 2021, thu nhập bình quân đầu người làng Mook Trang đạt 38,23 triệu đồng/người/năm.

+ Giải pháp thực hiện: UBND xã, phối hợp với các ngành chuyên môn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện liên kết sản xuất, thực hiện chế biến nông sản để tăng giá trị sản phẩm; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đi xuất khẩu lao động; làm việc tại công ty, doanh nghiệp; đào tạo nghề lao động nông thôn... để tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo. Đồng thời, rà soát, tính toán kỹ số liệu thống kê thu nhập bình quân đầu người đảm bảo đúng thực tế.

- Nội dung 13.2: Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, làng theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng (yêu cầu: Đạt).

+ Thực trạng: Thôn chưa triển khai thực hiện mô hình liên kết sản xuất.

+ Giải pháp thực hiện: UBND xã chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp-PTNT, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện triển khai các mô hình liên kết sản xuất trên địa bàn.

- Nội dung: 15.1: Tỷ lệ người dân trong thôn, làng tham gia các loại bảo hiểm y tế (yêu cầu: Đạt từ 85% trở lên).

+ Thực trạng: Hiện có 707/1116 người tham gia (63,35%), còn 409 người chưa tham gia.

+ Giải pháp thực hiện: UBND xã, phối hợp với các ngành chuyên môn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia, tối thiểu vận động thêm từ 186 người trở lên.

c) Đối với các thôn, làng theo lộ trình đạt chuẩn từ năm 2023 đến 2025 chưa đạt tối thiểu 14 tiêu chí (thôn Mook Đen 1, thôn Mook Đen 2, làng Bi) đề nghị UBND xã tiếp tục thực hiện các giải pháp đạt thêm các tiêu chí để đảm bảo đúng lộ trình đạt chuẩn theo Đề án số 12/ĐA-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện.

1.2. Xã Ia Krêl.

1.2.1. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới: Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng 19/19 tiêu chí đã đạt chuẩn, không để tụt các tiêu chí đã đạt. Cụ thể cần nâng cao chất lượng một số tiêu chí sau:

- Tiêu chí giao thông (2): Cần chú trọng đề xuất lồng ghép các nguồn vốn ngân sách (vốn giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, tiền sử dụng đất...) và huy động nguồn lực xã hội hoá để xây dựng đường trục thôn, làng, đường liên thôn (2.2); đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa (2.3); đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm (2.4) trong tổng số 10,2km; đối với các công trình, tuyến đường đã đánh giá đạt chuẩn, nhưng xuống cấp, hư hỏng thì đề xuất để bố trí sửa chữa.

- Tiêu chí Nhà ở dân cư (9): Hướng dẫn người dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng để sửa chữa, chỉnh trang nhà ở và khuôn viên trong gia đình, chỉnh trang hàng rào cổng ngõ; huy động nguồn vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ hộ nghèo, hộ khó khăn về nhà ở trên địa bàn, trong tổng số 439 nhà chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định (hiện nay chiếm tỷ lệ 79% so với mức đạt chuẩn là 75%).

- Nội dung 14.3: Tập trung các giải pháp nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo (hiện nay chiếm tỷ lệ 36,86% so với mức đạt chuẩn là 25%).

- Nội dung 15.1: Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế (hiện nay chiếm tỷ lệ 85,9% so với mức đạt chuẩn là 85%).

- Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm (17): Kết hợp các nguồn vốn để hỗ trợ, vận động các gia đình ở khu vực nông thôn: Sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt tỷ lệ trên 97% (17.1); Xây dựng nhà vệ sinh, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt đảm bảo 3 sạch trong tổng số 518 hộ (17.6); Xây chuồng trại chăn nuôi, hầm bioga đảm bảo vệ sinh môi trường trong tổng số 92 hộ (17.7). Vận động, hướng dẫn người dân nông thôn phát triển sản xuất, sửa chữa hàng rào, khơi thông cống rãnh quanh nhà, xử lý rác thải đúng quy định, trồng cây xanh quanh nhà.

1.2.2. Bộ tiêu chí thôn, làng nông thôn mới:

a) Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng 19/19 tiêu chí đã được công nhận đạt chuẩn tại 03 thôn, làng: Làng Krêl, thôn Ia Kăm, thôn Thanh Giáo, không để tụt các tiêu chí đã đạt.

b) Phần đầu xây dựng thôn Ia Lâm đạt chuẩn nông thôn mới

Đến cuối năm 2021, thôn Ia Lâm đạt 18/19 tiêu chí; còn tiêu chí số 10 (thu nhập) chưa đạt. Cụ thể:

- Tiêu chí 10. Thu nhập bình quân đầu người (yêu cầu đạt chuẩn trên 45 triệu đồng/người/năm; Năm 2022 chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể).

+ Thực trạng: Đến cuối năm 2021, thu nhập bình quân đầu người thôn Ia Lâm đạt 41,14 triệu đồng/người/năm.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã, phối hợp với các ngành chuyên môn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện liên kết sản xuất, thực hiện chế biến nông sản để tăng giá trị sản phẩm; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đi xuất khẩu lao động; làm việc tại công ty, doanh nghiệp; làm công nhân các Công ty cao su trên địa bàn; đào tạo nghề lao động nông thôn... để tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo. Đồng thời, rà soát, tính toán kỹ số liệu thống kê thu nhập bình quân đầu người đảm bảo đúng thực tế; đây là tiêu chí khó thực hiện, việc đánh giá đạt chuẩn cần phải đúng thực chất, không chạy theo thành tích.

c) Đối với các thôn, làng theo lộ trình đạt chuẩn từ năm 2023 đến 2025 chưa đạt tối thiểu 14 tiêu chí (nếu có) đề nghị UBND xã tiếp tục thực hiện các giải pháp đạt thêm các tiêu chí để đảm bảo đúng lộ trình đạt chuẩn theo Đề án số 12/ĐA-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện.

1.3. Xã Ia Nan.

1.3.1. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới: Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng 19/19 tiêu chí đã đạt chuẩn, không để tụt các tiêu chí đã đạt. Cụ thể cần nâng cao chất lượng một số tiêu chí sau:

- Tiêu chí giao thông (2): Cần chú trọng đề xuất lồng ghép các nguồn vốn ngân sách (vốn giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, tiền sử dụng đất...) và huy động nguồn lực xã hội hoá để xây dựng đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa (2.3) trong tổng số 3,3 km; đối với các công trình, tuyến đường đã đánh giá đạt chuẩn, nhưng xuống cấp, hư hỏng thì đề xuất để bố trí sửa chữa.

- Tiêu chí Nhà ở dân cư (9): Hướng dẫn người dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng để sửa chữa, chỉnh trang nhà ở và khuôn viên trong gia đình, chỉnh trang hàng rào công ngõ; huy động nguồn vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ hộ nghèo, hộ khó khăn về nhà ở trên địa bàn, trong tổng số 325 nhà chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định (hiện nay chiếm tỷ lệ 83,2% so với mức đạt chuẩn là 75%).

- Nội dung 14.3: Tập trung các giải pháp nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo (hiện nay chiếm tỷ lệ 36,4% so với mức đạt chuẩn là 25%).

- Nội dung 15.1: Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế (hiện nay chiếm tỷ lệ 85,6% so với mức đạt chuẩn là 85%).

- Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm (17): Kết hợp các nguồn vốn để hỗ trợ, vận động các gia đình ở khu vực nông thôn: Sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt tỷ lệ trên 97% (17.1); Xây dựng nhà vệ sinh, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt đảm bảo 3 sạch trong tổng số 354 hộ (17.6); Xây chuồng trại chăn nuôi, hầm bioga đảm bảo vệ sinh môi trường trong tổng số 180 hộ (17.7). Vận động, hướng dẫn người dân nông thôn phát triển sản xuất, sửa chữa hàng rào, khơi thông cống rãnh quanh nhà, xử lý rác thải đúng quy định, trồng cây xanh quanh nhà.

1.3.2. Bộ tiêu chí thôn, làng nông thôn mới:

a) Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng 19/19 tiêu chí đã được công nhận đạt chuẩn tại 05 thôn, làng: Làng Sơn, Thôn: Đức Hưng, Ia Boong, Ia Nhú, Ia Dao, Ia Kle, không để tụt các tiêu chí đã đạt.

b) Phần đầu xây dựng thôn Ia Chía đạt chuẩn nông thôn mới

Đến cuối năm 2021, thôn Ia Chía đạt 14/19 tiêu chí; còn 05 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí 9 (nhà ở); tiêu chí 10 (thu nhập); tiêu chí 13 (Tổ chức sản xuất); Tiêu chí 15 (Y tế); Tiêu chí 17 (Môi trường và an toàn thực phẩm). Cụ thể:

- Nội dung 9.2. Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng các loại cây có mang lại thu nhập cho người dân (yêu cầu đạt 100%)

+ Thực trạng: Thôn có 276/285 hộ dân (96,8%) có vườn được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng các loại cây có mang lại thu nhập cho người dân. Còn 09 hộ dân chưa đảm bảo.

+ Giải pháp thực hiện: Giao Đảng uỷ xã chỉ đạo Uỷ ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, phối hợp với các đơn vị ban ngành các cấp, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức; huy động các nguồn lực để tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân chỉnh trang lại vườn hộ, trồng cây xanh; cải tạo vườn để tạo cảnh quan xung quanh nơi ở và mang lại thu nhập đối với 09 hộ dân chưa đảm bảo.

- Tiêu chí 10. Thu nhập bình quân đầu người (yêu cầu đạt chuẩn trên 45 triệu đồng/người/năm; Năm 2022 chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể).

+ Thực trạng: Đến cuối năm 2021, thu nhập bình quân đầu người thôn Ia Chía đạt 44 triệu đồng/người/năm.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã, phối hợp với các ngành chuyên môn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện liên kết sản xuất, thực hiện chế biến nông sản để tăng giá trị sản phẩm; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đi xuất khẩu lao động; làm việc tại công ty, doanh nghiệp; làm công nhân các Công ty cao su trên địa bàn; đào tạo nghề lao động nông thôn... để tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo. Đồng thời, rà soát, tính toán kỹ số liệu thống kê thu nhập bình quân đầu người đảm bảo đúng thực tế.

- Nội dung 13.1. Có Tổ hợp tác được thành lập theo quy định và hoạt động có hiệu quả (yêu cầu: Có)

+ Thực trạng: Thôn chưa có Tổ hợp tác được thành lập và hoạt động theo quy định.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã, phối hợp với Phòng Nông nghiệp-PTNT và các đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động thành lập và xây dựng 01 Tổ hợp tác thực hiện các dự án liên kết sản xuất cây trồng chủ lực trên địa bàn xã.

- Nội dung 13.2: Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, làng theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng (yêu cầu: Đạt).

+ Thực trạng: Thôn chưa triển khai thực hiện mô hình liên kết sản xuất.

+ Giải pháp thực hiện: UBND xã chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp-PTNT, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện triển khai các mô hình liên kết sản xuất trên địa bàn.

- Nội dung 15.1: Tỷ lệ người dân trong thôn, làng tham gia các loại bảo hiểm y tế (yêu cầu: Đạt từ 85% trở lên).

+ Thực trạng: Hiện có 917/1141 người tham gia (80,4%), còn 224 người chưa tham gia.

+ Giải pháp thực hiện: UBND xã, phối hợp với các ngành chuyên môn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia, tối thiểu vận động thêm từ 53 người trở lên.

- Nội dung 17.9: Thôn, làng có ít nhất 70% hộ hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới” (yêu cầu: Đạt).

+ Thực trạng: Thôn chưa có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”.

+ Giải pháp thực hiện: Hội phụ nữ xã phối hợp với Chi hội phụ nữ thôn vận động hội viên tham gia thành lập mô hình phụ nữ “ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”.

c) Đối với các thôn, làng theo lộ trình đạt chuẩn từ năm 2023 đến 2025 chưa đạt tối thiểu 14 tiêu chí (Làng Tung, làng Núi) đề nghị UBND xã tiếp tục thực hiện các giải pháp đạt thêm các tiêu chí để đảm bảo đúng lộ trình đạt chuẩn theo Đề án số 12/ĐA-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện.

1.4. Xã Ia Đin

1.4.1. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới:

- UBND xã thường xuyên rà soát, củng cố, duy trì các nội dung tiêu chí đã đạt, không để tụt các tiêu chí. Đồng thời, đạt thêm 03 nội dung thành phần, cụ thể:

- Nội dung 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã (yêu cầu: Đạt).

+ Thực trạng: Xã chưa có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã, phối hợp Phòng Văn hoá-TT, Phòng Tài chính-KH tham mưu, đề xuất và huy động nguồn lực xây dựng văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao; đồng thời, rà soát, bổ sung trang thiết bị hội trường nhà văn hoá, công nghệ, giếng nước, nhà vệ sinh...

- Nội dung 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định (yêu cầu: Đạt).

+ Thực trạng: Xã chưa có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã, phối hợp Phòng Văn hoá-TT, Phòng Tài chính-KH tham mưu, đề xuất và huy động nguồn lực xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi; đồng thời, rà soát, bổ sung trang thiết bị thể dục, thể thao...

- Nội dung 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn (yêu cầu đạt 100%).

+ Thực trạng: Toàn xã có 10/14 cán bộ, công chức đạt chuẩn, chiếm 41,4%; còn 04 cán bộ, công chức chưa được tham gia các lớp bồi dưỡng chức danh chuyên môn (Chủ tịch UBND xã, Bí thư Đoàn, Công chức Địa chính-Xây dựng, Chỉ huy trưởng Quân sự xã).

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã, phối hợp Phòng Nội vụ cử 04 cán bộ, công chức (Chủ tịch UBND xã, Bí thư Đoàn, Công chức Địa chính-Xây dựng, Chỉ huy trưởng Quân sự xã) tham gia các lớp bồi dưỡng chức danh.

1.4.2. Bộ tiêu chí thôn, làng nông thôn mới:

a) Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng 19/19 tiêu chí đã được công nhận đạt chuẩn tại 02 thôn, làng: làng Nẻh và thôn Thống Nhất, không để tụt các tiêu chí đã đạt.

b) Phân đấu xây dựng thôn Quyết Thắng đạt chuẩn nông thôn mới

Đến cuối năm 2021, thôn Quyết Thắng đạt 16/19 tiêu chí; còn 03 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí 9 (nhà ở); tiêu chí 10 (thu nhập); tiêu chí 13 (Tổ chức sản xuất). Cụ thể:

- Nội dung 9.1. Trong thôn, làng không có nhà tạm, dột nát; hệ thống nhà ở trong thôn, làng phải đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng), đảm bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10m²/người trở lên, có các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh... được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện (yêu cầu: Đạt)

+ Thực trạng: Thôn có 215/220 hộ dân (97,7%) có nhà đảm bảo 3 cứng. Còn 05 hộ dân chưa đảm bảo.

+ Giải pháp thực hiện: Giao Đảng uỷ xã chỉ đạo Ủy ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, phối hợp với các đơn vị ban ngành các cấp, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, đơn vị quân đội, tổ chức, cá nhân và tuyên truyền, vận động nhân dân tự chỉnh trang, xoá 05 nhà ở dột nát trên địa bàn thôn. Đồng thời, huy động các nguồn lực để tiếp tục chỉnh trang hàng rào công ngõ, công trình phụ trợ được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện.

- Tiêu chí 10. Thu nhập bình quân đầu người (yêu cầu đạt chuẩn trên 45 triệu đồng/người/năm; Năm 2022 chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể).

+ Thực trạng: Đến cuối năm 2021, thu nhập bình quân đầu người thôn Quyết Thắng đạt 36 triệu đồng/người/năm.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã, phối hợp với các ngành chuyên môn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện liên kết sản xuất, thực hiện chế biến nông sản để tăng giá trị sản phẩm; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đi xuất khẩu lao động; làm việc tại công ty, doanh nghiệp; làm công nhân các Công ty cao su trên địa bàn; đào tạo nghề lao động nông thôn... để tăng thu

nhập, xoá đói giảm nghèo. Đồng thời, rà soát, tính toán kỹ số liệu thống kê thu nhập bình quân đầu người đảm bảo đúng thực tế.

- Nội dung 13.1. Có Tổ hợp tác được thành lập theo quy định và hoạt động có hiệu quả (yêu cầu: Có)

+ Thực trạng: Thôn chưa có Tổ hợp tác được thành lập và hoạt động theo quy định.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã, phối hợp với Phòng Nông nghiệp-PTNT và các đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động thành lập và xây dựng 01 Tổ hợp tác thực hiện các dự án liên kết sản xuất cây trồng chủ lực trên địa bàn xã.

- Nội dung 13.2: Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, làng theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng (yêu cầu: Đạt).

+ Thực trạng: Thôn chưa triển khai thực hiện mô hình liên kết sản xuất.

+ Giải pháp thực hiện: UBND xã chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp-PTNT, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện triển khai các mô hình liên kết sản xuất trên địa bàn.

c) Đối với các thôn, làng theo lộ trình đạt chuẩn từ năm 2023 đến 2025 chưa đạt tối thiểu 14 tiêu chí (Làng Yit Rông 2, thôn: Đoàn Kết, Đồng Tâm 1) đề nghị UBND xã tiếp tục thực hiện các giải pháp đạt thêm các tiêu chí để đảm bảo đúng lộ trình đạt chuẩn theo Đề án số 12/ĐA-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện.

1.5. Xã Ia Lang

1.5.1. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới:

- UBND xã thường xuyên rà soát, củng cố, duy trì các nội dung tiêu chí đã đạt, không để tụt các tiêu chí. Đồng thời, đạt thêm 03 nội dung thành phần, cụ thể:

- Tiêu chí 5. Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo; tiểu học; trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia (yêu cầu: từ 70% trở lên).

+ Thực trạng: trên địa bàn xã hiện có 01/3 trường đạt chuẩn (33,33%).

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính-KH, Phòng Giáo dục-ĐT và các ngành có liên quan tham mưu huy động, lồng ghép các nguồn vốn để xây mới, sửa chữa, bổ sung các hạng mục còn thiếu; cơ sở vật chất và thiết bị dạy học để đạt chuẩn quốc gia thêm 01 trường (Mầm non Hoa Sen).

- Nội dung 18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch vững mạnh” (yêu cầu: Đạt).

+ Thực trạng: Năm 2021, Đảng bộ, chính quyền xã không đạt tiêu chuẩn “trong sạch vững mạnh”.

+ Giải pháp thực hiện: Giao Đảng uỷ, UBND xã phấn đấu đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh. Bí thư Đảng uỷ có trách nhiệm thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động của Chính quyền, Mặt trận và đoàn thể trên địa bàn xã. Chịu trách nhiệm nếu, Chính quyền, Mặt trận và đoàn thể trên địa bàn không được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. Xử lý những cá nhân nếu không chấp hành, ảnh hưởng đến kết quả phấn đấu chung của xã.

- Nội dung 18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên (yêu cầu đạt 100%).

+ Thực trạng: Năm 2021, xã có 03/5 tổ chức đoàn thể đạt loại khá trở lên.

+ Giải pháp thực hiện: Giao Đảng uỷ, UBND xã phân đầu hoàn thành 05/5 tổ chức đoàn thể xã được xếp loại khá trở lên. Bí thư Đảng uỷ có trách nhiệm thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động của Mặt trận và đoàn thể trên địa bàn xã. Chịu trách nhiệm nếu, các tổ chức đoàn thể không được xếp loại khá trở lên. Xử lý những đoàn thể, cá nhân nếu không chấp hành, ảnh hưởng đến kết quả phân đầu chung của xã.

1.5.2. Bộ tiêu chí thôn, làng nông thôn mới:

- UBND xã chỉ đạo các thôn, làng thường xuyên rà soát, củng cố, duy trì các nội dung tiêu chí đã đạt, không để tụt các tiêu chí.

- Đối với các thôn, làng theo lộ trình đạt chuẩn từ năm 2023 đến 2025 chưa đạt tối thiểu 14 tiêu chí (nếu có) đề nghị UBND xã tiếp tục thực hiện các giải pháp đạt thêm các tiêu chí để đảm bảo đúng lộ trình đạt chuẩn theo Đề án số 12/ĐA-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện.

1.6. Xã Ia Kla

1.6.1. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới:

- UBND xã thường xuyên rà soát, củng cố, duy trì các nội dung tiêu chí đã đạt, không để tụt các tiêu chí. Đồng thời, đạt thêm 03 nội dung thành phần, cụ thể:

- Tiêu chí 5. Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo; tiểu học; trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia (yêu cầu: từ 70% trở lên).

+ Thực trạng: trên địa bàn xã hiện có 03/6 trường đạt chuẩn (50%).

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính-KH, Phòng Giáo dục-ĐT và các ngành có liên quan tham mưu huy động, lồng ghép các nguồn vốn để xây mới, sửa chữa, bổ sung các hạng mục còn thiếu; cơ sở vật chất và thiết bị dạy học để đạt chuẩn quốc gia thêm 01 trường.

- Nội dung 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn (yêu cầu đạt 100%)

+ Thực trạng: Toàn xã có 18/20 cán bộ, công chức đạt chuẩn, chiếm 90%; còn 02 công chức chưa được tham gia các lớp bồi dưỡng chức danh chuyên môn.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã, phối hợp Phòng Nội vụ cử 02 công chức tham gia các lớp bồi dưỡng chức danh chuyên môn.

- Nội dung 18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch vững mạnh” (yêu cầu: Đạt).

+ Thực trạng: Năm 2021, Đảng bộ, chính quyền xã không đạt tiêu chuẩn “trong sạch vững mạnh”.

+ Giải pháp thực hiện: Giao Đảng uỷ, UBND xã phân đầu đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh. Bí thư Đảng uỷ có trách nhiệm thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động của Chính quyền, Mặt trận và đoàn thể trên địa bàn xã. Chịu trách nhiệm nếu, Chính quyền, Mặt trận và đoàn thể trên địa bàn không được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. Xử lý những cá nhân nếu không chấp hành, ảnh hưởng đến kết quả phân đầu chung của xã.

1.6.2. Bộ tiêu chí thôn, làng nông thôn mới:

a) UBND xã chỉ đạo các thôn, làng thường xuyên rà soát, củng cố, duy trì các nội dung tiêu chí đã đạt, không để tụt các tiêu chí.

b) Phân đầu xây dựng thôn Chư Bô I đạt chuẩn nông thôn mới

Đến cuối năm 2021, thôn Chư Bô I đạt 17/19 tiêu chí; còn 02 tiêu chí; chưa đạt gồm: Tiêu chí 2 (giao thông); Tiêu chí số 10 (thu nhập). Cụ thể:

- Nội dung 2.3. Đường nội thôn, làng phải sạch sẽ, không lầy lội vào mùa mưa, được cứng hóa và kết nối với đường trục xã (yêu cầu: từ 80% cứng hóa trở lên).

+ Thực trạng: Thôn có 1,1/1,6 km đường nội đồng được cứng hoá, đạt 70%; còn lại 0,5 km.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã phối hợp với Phòng Tài chính-KH, Phòng Kinh tế-HT và các ngành có liên quan rà soát, đánh giá kỹ thực trạng hệ thống đường giao thông nội đồng trên địa bàn thôn mưu huy động, lồng ghép các nguồn vốn để xây mới, sửa chữa, nâng cấp đường giao thông 0,5 km còn lại.

- Nội dung 2.4: Đường ra khu sản xuất đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa và được cứng hóa (yêu cầu: từ 80% cứng hóa trở lên).

+ Thực trạng: Thôn có 2,1/6 km đường nội đồng được cứng hoá, đạt 30%; còn lại 3,9 km.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã phối hợp với Phòng Tài chính-KH, Phòng Kinh tế-HT và các ngành có liên quan rà soát, đánh giá kỹ thực trạng hệ thống đường giao thông nội đồng trên địa bàn thôn mưu huy động, lồng ghép các nguồn vốn để xây mới, sửa chữa, nâng cấp đường giao thông 3,9 km còn lại.

- Tiêu chí 10. Thu nhập bình quân đầu người (yêu cầu đạt chuẩn năm 2020: trên 45 triệu đồng/người/năm; Năm 2022 chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể).

+ Thực trạng: Đến cuối năm 2021, thu nhập bình quân đầu người thôn Chư Bô 1 đạt 37,3 triệu đồng/người/năm.

+ Giải pháp thực hiện: UBND xã Ia Kla, phối hợp với các ngành chuyên môn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện liên kết sản xuất, thực hiện chế biến nông sản để tăng giá trị sản phẩm; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đi xuất khẩu lao động; làm việc tại công ty, doanh nghiệp; làm công nhân các Công ty cao su trên địa bàn; đào tạo nghề lao động nông thôn... để tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo. Đồng thời, rà soát, tính toán kỹ số liệu thống kê thu nhập bình quân đầu người đảm bảo đúng thực tế.

c) Đối với các thôn, làng theo lộ trình đạt chuẩn từ năm 2023 đến 2025 chưa đạt tối thiểu 14 tiêu chí (Sung Le Tung) đề nghị UBND xã tiếp tục thực hiện các giải pháp đạt thêm các tiêu chí để đảm bảo đúng lộ trình đạt chuẩn theo Đề án số 12/ĐA-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện.

1.7. Xã Ia Kriêng

1.7.1. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới:

- UBND xã thường xuyên rà soát, củng cố, duy trì các nội dung tiêu chí đã đạt, không để tụt các tiêu chí. Đồng thời, đạt thêm 03 nội dung thành phần, cụ thể:

- Nội dung 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định (yêu cầu: từ 75% trở lên)

+ Thực trạng: Xã có 771/1.395 hộ dân (55,3%) có nhà ở đạt chuẩn theo quy định; còn 624 hộ dân chưa đảm bảo.

+ Giải pháp thực hiện: Giao Đảng uỷ xã chỉ đạo Uỷ ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, phối hợp với các đơn vị ban ngành các cấp, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức; huy động các nguồn lực, đóng góp của các tổ chức, cá nhân

để hỗ trợ hộ nghèo, hộ khó khăn về nhà ở trên địa bàn, tối thiểu từ 186 nhà ở trở lên đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Nội dung 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (yêu cầu: từ 70% trở lên).

- + Thực trạng: Xã có 793/1.395 hộ dân (56,8%) có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt vệ sinh và đảm bảo 3 sạch; còn 602 hộ dân chưa đảm bảo.

- + Giải pháp thực hiện: Giao Đảng ủy xã chỉ đạo Ủy ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, phối hợp với các đơn vị ban ngành các cấp, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức; huy động các nguồn lực, đóng góp của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ hộ nghèo, hộ khó khăn về có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt vệ sinh và đảm bảo 3 sạch trên địa bàn, tối thiểu từ 184 hộ trở lên đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Nội dung 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn (yêu cầu đạt 100%)

- + Thực trạng: Toàn xã có 13/20 cán bộ, công chức đạt chuẩn còn 07 công chức chưa được tham gia các lớp bồi dưỡng chức danh chuyên môn.

- + Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã, phối hợp Phòng Nội vụ cử 07 công chức tham gia các lớp bồi dưỡng chức danh chuyên môn.

1.7.2. Bộ tiêu chí thôn, làng nông thôn mới:

- UBND xã chỉ đạo các thôn, làng thường xuyên rà soát, củng cố, duy trì các nội dung tiêu chí đã đạt, không để tụt các tiêu chí.

- Đối với các thôn, làng theo lộ trình đạt chuẩn từ năm 2023 đến 2025 chưa đạt tối thiểu 14 tiêu chí (làng Lung Prông; làng Ấp;) đề nghị UBND xã tiếp tục thực hiện các giải pháp đạt thêm các tiêu chí để đảm bảo đúng lộ trình đạt chuẩn theo Đề án số 12/ĐA-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện.

1.8. Xã Ia Đok:

1.8.1. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới

- UBND xã thường xuyên rà soát, củng cố, duy trì các nội dung tiêu chí đã đạt, không để tụt các tiêu chí. Đồng thời đạt thêm 03 nội dung thành phần, cụ thể:

- Nội dung 2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa (yêu cầu: Đạt 100%, trong đó tỷ lệ cứng hóa $\geq 50\%$)

- + Thực trạng: Xã có 3,7/11,43 km; 100% đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, tỷ lệ cứng hóa 32,4%; yêu cầu phải có thêm tối thiểu 2,10 km để đạt chuẩn.

- + Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã phối hợp với Phòng Tài chính-KH, Phòng Kinh tế-HT và các ngành có liên quan rà soát, đánh giá kỹ thực trạng hệ thống đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa trên địa bàn xã; huy động, lồng ghép các nguồn vốn để xây mới, sửa chữa, nâng cấp tối thiểu từ 2,10 km trở lên đường giao thông trục thôn, liên thôn.

- Nội dung 2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm (yêu cầu: tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$).

- + Thực trạng: Xã có 5,8/12,6 km, tỷ lệ cứng hóa 46%; yêu cầu phải có thêm tối thiểu 3,10 km để đạt chuẩn.

- + Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã phối hợp với Phòng Tài chính-KH, Phòng Kinh tế-HT và các ngành có liên quan rà soát, đánh giá kỹ thực trạng hệ thống đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh

nằm trên địa bàn xã; huy động, lồng ghép các nguồn vốn để xây mới, sửa chữa, nâng cấp tối thiểu từ 3,10 km trở lên đường giao thông trục thôn, liên thôn.

- Nội dung 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định (yêu cầu: Đạt).

+ Thực trạng: Xã chưa triển khai xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật và chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế; thiếu bể chứa thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

+ Giải pháp thực hiện: Chỉ đạo UBND xã xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật và chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế; huy động, lồng ghép nguồn kinh phí (từ nguồn sự nghiệp môi trường, tiền sử dụng đất và các nguồn hợp pháp khác...) để xây dựng bổ sung bể chứa thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật; thành lập các điểm thu gom và vận chuyển hoặc hợp đồng với Hợp tác xã thu gom.

1.8.2. Bộ tiêu chí thôn, làng nông thôn mới:

a) Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng 19/19 tiêu chí đã được công nhận đạt chuẩn tại thôn Ia Mang không để tụt các tiêu chí đã đạt.

b) Phấn đấu xây dựng thôn Đoàn Kết đạt chuẩn nông thôn mới

Đến cuối năm 2021, thôn Đoàn kết đạt 18/19 tiêu chí; còn tiêu chí 10 (thu nhập) chưa đạt.

- Tiêu chí 10. Thu nhập bình quân đầu người (yêu cầu đạt chuẩn trên 45 triệu đồng/người/năm; Năm 2022 chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể).

+ Thực trạng: Đến cuối năm 2021, thu nhập bình quân đầu người thôn Đoàn kết đạt 37 triệu đồng/người/năm.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã phối hợp với các ngành chuyên môn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện liên kết sản xuất, thực hiện chế biến nông sản để tăng giá trị sản phẩm; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đi xuất khẩu lao động; làm việc tại công ty, doanh nghiệp; làm công nhân các Công ty cao su trên địa bàn; đào tạo nghề lao động nông thôn... để tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo. Đồng thời, rà soát, tính toán kỹ số liệu thống kê thu nhập bình quân đầu người đảm bảo đúng thực tế.

c) Đối với các thôn, làng theo lộ trình đạt chuẩn từ năm 2023 đến 2025 chưa đạt tối thiểu 14 tiêu chí (thôn Lê Kim; làng Dơk Lah) đề nghị UBND xã tiếp tục thực hiện các giải pháp đạt thêm các tiêu chí để đảm bảo đúng lộ trình đạt chuẩn theo Đề án số 12/ĐA-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện.

1.9. Xã Ia Pnôn:

1.9.1. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới:

- UBND xã thường xuyên rà soát, củng cố, duy trì các nội dung tiêu chí đã đạt, không để tụt các tiêu chí. Đồng thời, đạt thêm 04 nội dung thành phần, cụ thể:

- Nội dung 2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (yêu cầu: Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100%).

+ Thực trạng: Toàn xã có 13,9/24,2 km, chiếm 57,4%; còn 10,3 km chưa đạt chuẩn.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế-HT, Phòng Tài chính-KH và các đơn vị liên quan đề xuất huy động, lồng ghép các nguồn vốn để xây dựng nâng cấp 10,3 km đạt chuẩn năm 2022.

- Tiêu chí 16. Tỷ lệ thôn, làng đạt chuẩn văn hóa theo quy định (yêu cầu: $\geq 70\%$).

+ Thực trạng: Năm 2021, xã có 02/4 làng đạt chuẩn văn hóa theo quy định, chiếm 50%; còn lại 02/4 làng chưa đảm bảo.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin đẩy mạnh tuyên truyền về ý nghĩa của việc xây dựng thôn, làng văn hóa; nâng cao hiệu quả quản lý, hoạt động các thiết chế văn hóa trên địa bàn; tăng cường kiểm tra, hướng dẫn bình xét, phân loại, công nhận danh hiệu thôn, làng văn hóa.

- Nội dung 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (yêu cầu: từ 70% trở lên).

+ Thực trạng: Xã có 501/1.209 hộ dân (41,4%) có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt vệ sinh và đảm bảo 3 sạch; còn 708 hộ dân chưa đảm bảo.

+ Giải pháp thực hiện: Giao Đảng ủy xã chỉ đạo Ủy ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, phối hợp với các đơn vị ban ngành các cấp, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức; huy động các nguồn lực, đóng góp của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ hộ nghèo, hộ khó khăn về có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt vệ sinh và đảm bảo 3 sạch trên địa bàn, tối thiểu từ 346 hộ trở lên đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Nội dung 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn (yêu cầu đạt 100%)

+ Thực trạng: Toàn xã có 18/20 cán bộ, công chức đạt chuẩn còn 02 công chức chưa được tham gia các lớp bồi dưỡng chức danh chuyên môn.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND xã, phối hợp Phòng Nội vụ cử 02 công chức tham gia các lớp bồi dưỡng chức danh chuyên môn.

1.9.2. Bộ tiêu chí thôn, làng nông thôn mới:

- UBND xã chỉ đạo các thôn, làng thường xuyên rà soát, củng cố, duy trì các nội dung tiêu chí đã đạt, không để tụt các tiêu chí.

- Đối với các thôn, làng theo lộ trình đạt chuẩn từ năm 2023 đến 2025 chưa đạt tối thiểu 14 tiêu chí (làng Chan) đề nghị UBND xã tiếp tục thực hiện các giải pháp đạt thêm các tiêu chí để đảm bảo đúng lộ trình đạt chuẩn theo Đề án số 12/ĐA-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện.

1.10. Làng Trolđeng, thị trấn Chư Ty

Đến cuối năm 2021, làng Trolđeng đạt 15/19 tiêu chí; còn 04 tiêu chí chưa đạt: Tiêu chí 9 (nhà ở); Tiêu chí 10 (thu nhập); Tiêu chí 15 (Y tế); Tiêu chí 17 (môi trường và an toàn thực phẩm).

- Nội dung 9.2. Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng các loại cây có mang lại thu nhập cho người dân (yêu cầu đạt 100%)

- Nội dung 9.3. Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh - sạch - đẹp (yêu cầu đạt 100%)

+ Thực trạng: Số lượng nhà ở có vườn được bố trí ngăn nắp, khuôn viên nơi ở chưa được chỉnh trang ngăn nắp còn nhiều, chưa đảm bảo 100% theo quy định.

+ Giải pháp thực hiện: Giao Đảng uỷ thị trấn Chư Ty chỉ đạo Ủy ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, phối hợp với các đơn vị ban ngành các cấp, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức; huy động các nguồn lực để tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân chỉnh trang lại khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh - sạch - đẹp.

- Tiêu chí 10. Thu nhập bình quân đầu người (yêu cầu đạt chuẩn trên 41 triệu đồng/người/năm; Năm 2022 chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể).

+ Thực trạng: Đến cuối năm 2021, thu nhập bình quân đầu người làng Trođeng đạt 39 triệu đồng/người/năm.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND thị trấn Chư Ty, phối hợp với các ngành chuyên môn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện liên kết sản xuất, thực hiện chế biến nông sản để tăng giá trị sản phẩm; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đi xuất khẩu lao động; làm việc tại công ty, doanh nghiệp; làm công nhân các Công ty cao su trên địa bàn; đào tạo nghề lao động nông thôn... để tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo. Đồng thời, rà soát, tính toán kỹ số liệu thống kê thu nhập bình quân đầu người đảm bảo đúng thực tế.

- Nội dung 15.1. Tỷ lệ người dân trong thôn, làng tham gia các loại hình bảo hiểm y tế (yêu cầu đạt $\geq 85\%$)

+ Thực trạng: Làng có 441/607 người (71,2%) tham gia bảo hiểm y tế. Để đảm bảo yêu cầu đạt chuẩn ($\geq 85\%$), thì cần phải có thêm tối thiểu 75 người tham gia bảo hiểm.

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND thị trấn Chư Ty, phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND (phụ trách lĩnh vực Y tế), Bảo hiểm xã hội huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, đảm bảo đạt chuẩn trên 85%.

- Nội dung 17.5. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh (yêu cầu đạt $\geq 70\%$)

+ Thực trạng: Làng có 96/125 hộ có nhà tiêu HVS (73%); có 29/125 hộ có nhà tắm (23%); có 110/125 hộ có bể chứa nước HVS (88%). Tỷ lệ nhà tắm chưa đảm bảo đạt trên 70% theo quy định.

+ Giải pháp thực hiện: Giao Đảng uỷ thị trấn Chư Ty chỉ đạo UBND, Mặt trận, đoàn thể; phối hợp với các phòng, ban chuyên môn đẩy mạnh hướng dẫn, tuyên truyền vận động và huy động nguồn lực hỗ trợ nhân dân chỉnh trang nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước HVS đạt trên 70%.

- Nội dung 17.9. Thôn, làng có ít nhất 70% hộ hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới (yêu cầu đạt)

+ Thực trạng: Làng có 40/60 hội viên phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới (chiếm 67%).

+ Giải pháp thực hiện: Giao UBND thị trấn Chư ty chủ trì, phối hợp hội, đoàn thể các cấp tuyên truyền, vận động hộ hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới đảm bảo trên 70% theo quy định.

2. Công tác chỉ đạo, quản lý

- Các xã tiếp tục rà soát, kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban Quản lý và Bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025 (nếu thấy cần thiết).

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc các cơ quan phụ trách tiêu chí, UBND xã triển khai thực hiện kế hoạch năm 2022; các cơ quan Thành viên BCĐ phụ trách xã tăng cường bám sát cơ sở để hướng dẫn, triển khai nhiệm vụ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp lên UBND huyện; Ban Chỉ đạo, Ban quản lý xã chủ động đề xuất, triển khai thực hiện giải pháp xây dựng NTM theo lộ trình, kế hoạch đề ra.

- Ban chỉ đạo tham mưu UBND huyện thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá và triển khai thực hiện các biện pháp nhằm củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng xã, thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới, không để tụt hạng tiêu chí; thực hiện tốt chế độ khen thưởng nhằm khích lệ, động viên kịp thời các xã, thôn làng có thành tích nổi bật trong xây dựng nông thôn mới.

- Chỉ đạo các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo và UBND các xã tập trung hoàn thành các nội dung tiêu chí để phấn đấu đạt chuẩn năm 2022 và thường xuyên cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ minh chứng xã, thôn, làng đạt tiêu chí nông thôn mới theo quy định.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn huyện năm 2022 (*theo Quyết định số 34/QĐ-UBND, ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh*).

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ nông sản trên địa bàn huyện.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chương trình năm 2022 nhằm rút kinh nghiệm.

3. Tổ chức tuyên truyền, vận động toàn dân xây dựng NTM

- Tiếp tục thực hiện tốt phong trào thi đua “Đức Cơ chung sức xây dựng nông thôn mới” để phong trào tiếp tục lan tỏa đến từng thôn, làng, hộ dân. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh... chủ động đăng ký những nội dung thiết thực, vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia chương trình, khích lệ động viên các cá nhân, tổ chức cùng đồng lòng chung sức xây dựng nông thôn mới. Các đơn vị Quân đội và các doanh nghiệp cùng đồng hành và hỗ trợ Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện tăng thời lượng truyền thanh chuyên mục xây dựng NTM và đăng tải các bài về gương điển hình tiên tiến trong xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục tuyên truyền cả về chiều rộng lẫn chiều sâu các cơ chế, chính sách mới, về cách làm hay, mô hình tốt, nhân rộng mô hình, vận động nhân dân vệ sinh môi trường, sử dụng nước hợp vệ sinh, tham gia mua bảo hiểm y tế tự nguyện,...

4. Giải pháp về nguồn vốn

- Lồng ghép các chương trình, dự án vào hoàn thành chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới; đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách và các nguồn vốn tín dụng, doanh nghiệp, nhân dân đóng góp và các nguồn khác để phục vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới. Triển khai tốt các chương trình, dự án đã được bố trí vốn năm 2022 đảm bảo tiến độ và đạt chất lượng cao nhất.

- Khuyến khích việc giao cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp từ các công trình tự thực hiện xây dựng các công trình theo hướng Nhà nước hỗ trợ một phần, nhân dân tự nguyện hiến đất, góp công sức, tiền của để hoàn thành các công trình.

- Tập trung mọi nguồn lực để phấn đấu hoàn thành các xã củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt. Đối với các tiêu chí ít đòi hỏi kinh phí đầu tư thì tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia hoàn thành tiêu chí. Đối với các tiêu chí về phát triển hạ tầng như giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế xã, nhà văn hóa,... tăng cường công tác lồng ghép từ các chương trình, dự án khác để triển khai hoàn thiện.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG, UBND các xã, thị trấn

- Chịu trách nhiệm chính về kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ giao tại kế hoạch này.

- Rà soát, kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban Quản lý và Bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025.

- Duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt; không để tụt hạng các tiêu chí đã đạt chuẩn. Quản lý, lưu trữ hồ sơ minh chứng, tài liệu kiểm chứng xã đạt chuẩn NTM; thôn, làng đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới khoa học, thuận tiện cho công tác kiểm tra, khai thác.

- Thành lập các Tổ phụ trách thôn, làng, hộ gia đình để đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân dọn vệ sinh nơi ở, khu dân cư, hoàn thành các tiêu chí không phụ thuộc nguồn lực nhà nước đầu tư, chỉ cần sự quan tâm, ý thức, trách nhiệm của nhân dân và cộng đồng (tiêu chí 17, tiêu chí 18...). Hướng dẫn nhân dân áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, chế biến...

- Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện liên kết sản xuất, thực hiện chế biến nông sản để tăng giá trị sản phẩm; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đi xuất khẩu lao động; làm việc tại công ty, doanh nghiệp; làm công nhân các Công ty cao su trên địa bàn; đào tạo nghề lao động nông thôn... để tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo.

- Tiếp tục công tác đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn để tăng nguồn thu của địa phương phục vụ vào xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung nguồn lực để thực hiện các tiêu chí cần đạt trong năm 2022 theo thứ tự; quá trình xây dựng nông thôn mới phải thực hiện cơ chế đặc thù theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP, Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND, ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai; không để nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Tiếp tục theo dõi cập nhật văn bản liên quan trong giai đoạn 2021-2025 để thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới; vận động nhân dân

tham gia đóng góp ngày công, kinh phí, hiến đất xây dựng nông thôn mới tại địa phương...

- Rà soát lại các sản phẩm có lợi thế đặc trưng của địa phương, xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn mình quản lý năm 2022; đồng thời đăng ký các sản phẩm OCOP trên địa bàn về UBND huyện qua Phòng Nông nghiệp-PTNT để tổ chức đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP trên địa bàn.

2. Các cơ quan, đơn vị là thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện giai đoạn 2021-2030, thành viên Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện:

- Trên cơ sở chỉ tiêu giao năm 2022 cho các địa phương, phối hợp với các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch hoàn thành chỉ tiêu năm 2022. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Huyện uỷ, UBND huyện nếu các địa phương không hoàn thành nhiệm vụ giao vào cuối năm.

- Thường xuyên đi cơ sở phối hợp với các xã, thị trấn để hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định lại các tiêu chí đạt, chưa đạt; cùng với các xã bổ sung hồ sơ, hoàn thiện tài liệu kiểm chứng các tiêu chí đạt chuẩn (*bao gồm cả Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới và Bộ tiêu chí thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới*).

- Các đơn vị được phân bổ nguồn vốn, yêu cầu các chương trình, dự án của lĩnh vực ngành phụ trách phải gắn với lộ trình xã, thôn, làng đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn năm 2022. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện có trách nhiệm theo dõi, tham mưu UBND huyện thực hiện phù hợp.

3. Đề nghị Ủy ban MTTQVN và các Hội, đoàn thể huyện

- Phối hợp các ban, ngành chuyên môn trên địa bàn, triển khai xây dựng và thực hiện các chương trình hành động, hoạt động cụ thể nhằm tuyên truyền, vận động cán bộ, nhân dân đóng góp, xây dựng, hỗ trợ xóa nhà tạm dột nát; đầu tư trang thiết bị cho nhà rông, hội trường thôn; vận động nhân dân tích cực phát triển sản xuất nâng cao thu nhập; tổ chức dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm trong khu dân cư... Phối hợp cung cấp thông tin cho Ban chỉ đạo huyện để tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo đề nghị của UBND huyện, Ban chỉ đạo huyện.

- Phối hợp thực hiện các chương trình, hoạt động tại thôn, làng đăng ký xây dựng nông thôn mới tại các xã, thị trấn; trong đó, tiêu chí cần trọng tâm thực hiện vận động nhân dân sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh, chỉnh trang nhà tiêu, nhà tắm, bể nước, thường xuyên vệ sinh môi trường; vận động người dân không chăn nuôi thả rông gia súc, tiết kiệm chi tiêu...

4. Đề nghị Công ty: TNHH MTV 72, 74, Chi nhánh Công ty 75; Đoàn Biên phòng: Ia Nan, Ia Pnôn, Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh và các doanh nghiệp, đơn vị đứng chân trên địa bàn huyện

- Phối hợp với UBND huyện, Ban chỉ đạo huyện thực hiện các nhiệm vụ trong xây dựng NTM Quy chế phối hợp số 69/QCPH-BTL-UBND, ngày 16/02/2017 giữa Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 và UBND huyện Đức Cơ và Quy chế phối hợp với các xã.

- Phân công các đội sản xuất hoặc thành lập các tổ, đội công tác để giúp xã đứng chân trên địa bàn hoàn thành các tiêu chí hoặc nội dung thành phần của Bộ

tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới của các xã trên địa bàn huyện. Phối hợp tốt chế độ thông tin báo cáo và hội nghị để triển khai kịp thời các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

IV. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

- Về xây dựng kế hoạch chi tiết:

+ Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG xã; UBND các xã, thị trấn rà soát, xây dựng kế hoạch chi tiết tại địa phương (*đối với những địa phương đã xây dựng có thể điều chỉnh bổ sung lại kế hoạch thực hiện cho phù hợp*).

+ Các ban, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo huyện phụ trách tiêu chí, đơn vị được phân công giúp xã và các ngành có liên quan: Xây dựng kế hoạch triển khai hoàn thành các chỉ tiêu giao năm 2022 theo kế hoạch này.

+ Đề nghị Ủy ban Mặt trận TQVN, các hội, đoàn thể các doanh nghiệp, đơn vị Quân đội đứng chân trên địa bàn huyện phối hợp xây dựng chương trình, dự án, các hoạt động, hạng mục chung sức tham gia xây dựng NTM năm 2022 trên địa bàn huyện (*đối với các đơn vị đã gửi nội dung đăng ký tham gia chung sức XDNTM về UBND huyện, Phòng Nông nghiệp-PTNT thì không cần thực hiện*).

Kế hoạch thực hiện các đơn vị, địa phương gửi về UBND huyện (qua Phòng Nông nghiệp-PTNT huyện) trước ngày **15/02/2022** để tổng hợp, theo dõi.

- Về chế độ báo cáo:

Định kỳ 6 tháng (*trước 15/6*), 9 tháng (*trước 15/9*), năm (*trước 15/12*) và đột xuất, các đơn vị được giao nhiệm vụ báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện qua Phòng Nông nghiệp-PTNT để tổng hợp, theo dõi, chỉ đạo.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện năm 2022. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị thành viên Ban chỉ đạo huyện, Văn phòng Điều phối huyện, UBND các xã, thị trấn và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- VPĐP XDNTM tỉnh;
- TT Huyện uỷ;
- TT HĐND huyện;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể huyện (phối hợp);
- Thành viên BCĐ các CTMTQG huyện;
- Thành viên VPĐPXDNTM huyện;
- Công ty: TNHH MTV 72, 74, TNHH MTV 15-CN Công ty 75 (Ph/h);
- ĐBP: CKQT Lê Thanh, Ia Nan, Ia Pnôn (Ph/h);
- Đảng ủy các xã, thị trấn (để chỉ đạo);
- BCĐ, UBND các xã, thị trấn (thực hiện);
- Lưu VT-VP_{NN}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Phận

PHỤ LỤC 01						
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022						
<i>(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 02 năm 2022)</i>						
STT	Địa bàn	Kết quả thực hiện năm 2021			Kế hoạch năm 2022	
		Kết quả	Tiêu chí đã đạt	Nội dung, tiêu chí chưa đạt	Chỉ tiêu năm 2022	Chỉ tiêu phấn đấu đạt chuẩn năm 2022
1	Ia Dom	Đạt 19/19 tiêu chí; 49/49 nội dung			Đạt 19/19 tiêu chí; 49/49 nội dung	Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng 19 tiêu chí; 49/49 nội dung đã đạt chuẩn.
2	Ia Krêl	Đạt 19/19 tiêu chí; 49/49 nội dung			Đạt 19/19 tiêu chí; 49/49 nội dung	Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng 19 tiêu chí; 49/49 nội dung đã đạt chuẩn.
3	Ia Nan	Đạt 19/19 tiêu chí; 49/49 nội dung			Đạt 19/19 tiêu chí; 49/49 nội dung	Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng 19 tiêu chí; 49/49 nội dung đã đạt chuẩn.
4	Ia Din	Đạt 14/19 tiêu chí; 43/49 nội dung	Tiêu chí: 1; 2; 3; 4; 7; 8; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 19	5; 6.1; 6.2; 9.1; 10; 18.1	Đạt 16/19 tiêu chí; 42/49 nội dung	Đạt thêm 02 tiêu chí; 03 nội dung: Nội dung 6.1; 6.2, hoàn thành tiêu chí 6 Nội dung 18.1, hoàn thành tiêu chí 18
5	Ia Lang	Đạt 15/19 tiêu chí; 43/49 nội dung	Tiêu chí: 1; 2; 3; 4; 6; 7; 8; 9; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 19	5; 10; 11; 18.1; 18.3; 18.4	Đạt 16/19 tiêu chí; 46/49 nội dung	Đạt thêm 01 tiêu chí; 03 nội dung: Nội dung tiêu chí 5, hoàn thành tiêu chí 5. Nội dung 18.3; 18.4
6	Ia Kla	Đạt 15/19 tiêu chí; 44/49 nội dung	Tiêu chí: 1; 2; 3; 4; 6; 7; 8; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 19	5; 9; 10; 18.1; 18.3	Đạt 17/19 tiêu chí; 47/49 nội dung	Đạt thêm 02 tiêu chí; 03 nội dung: Nội dung tiêu chí 5, hoàn thành tiêu chí 5. Nội dung 18.1, 18.3, hoàn thành tiêu chí 18
7	Ia Kriêng	Đạt với 13/19 tiêu chí; 41/49 nội dung	Tiêu chí: 1; 2; 3; 4; 6; 7; 8; 12; 13; 14; 15; 16; 19	5; 9.1; 9.2; 10; 11; 17.6; 18.1; 18.3	Đạt với 14/19 tiêu chí; 44/49 nội dung	Đạt thêm 01 tiêu chí; 03 nội dung: Nội dung 9.2 Nội dung 17.6, hoàn thành tiêu chí 17 Nội dung 18.1
8	Ia Dok	Đạt 12/19 tiêu chí; 37/49 nội dung	Tiêu chí: 1; 3; 4; 7; 8; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 19	2.3; 2.4; 5; 6.1; 9.1; 9.2; 10; 17.5; 17.6; 18.1; 18.3; 18.6	Đạt 12/19 tiêu chí; 40/49 nội dung	Đạt thêm 03 nội dung: Nội dung 2.3; 2.4 Nội dung 17.5
9	Ia Pnôn	Đạt 10/19 tiêu chí; 37/49 nội dung	Tiêu chí: 1; 3; 4; 6; 7; 8; 12; 14; 15; 19	2.1; 2.4; 5; 9.1; 9.2; 10; 11; 13.1; 16; 17.6; 18.1; 18.3	Đạt 12/19 tiêu chí; 41/49 nội dung	Đạt thêm 02 tiêu chí; 04 nội dung: Nội dung 2.1 Nội dung tiêu chí 16, hoàn thành tiêu chí 16. Nội dung 17.6, hoàn thành tiêu chí 17. Nội dung 18.1
					Đạt thêm 08 tiêu chí; 19 nội dung	

PHỤ LỤC 02					
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ THÔN, LÀNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022 (Đăng ký với tỉnh)					
<i>(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 02 năm 2022)</i>					
STT	Địa bàn	Thực trạng năm 2021			Kế hoạch năm 2022
		Thực trạng	Tiêu chí đã đạt	Nội dung, tiêu chí chưa đạt	
1	Làng Mook Trang, Xã Ia Dom	Đạt 15/19 tiêu chí;	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 13, 14, 16, 17, 18, 19	9.2, 9.3, 9.5, 10, 13.2, 15.1	Đạt 19/19 tiêu chí; 48/48 nội dung
2	Thôn Ia Lâm, Xã Ia Krêl	Đạt 18/19 tiêu chí;	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19	10	Đạt 19/19 tiêu chí; 48/48 nội dung
3	Thôn Ia Chía, Xã Ia Nan	Đạt 14/19 tiêu chí;	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 14, 16, 18, 19	9, 10, 13, 15, 17	Đạt 19/19 tiêu chí; 48/48 nội dung
4	Thôn Quyết Thắng, Xã Ia Dìn	Đạt 16/19 tiêu chí;	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19	9, 10, 13	Đạt 19/19 tiêu chí; 48/48 nội dung
5	Thôn Chư Bô 1, Xã Ia Kla	Đạt 17/19 tiêu chí;	1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19	2.3, 2.4, 10	Đạt 19/19 tiêu chí; 48/48 nội dung
6	Thôn Đoàn Kết, Xã Ia Dok	Đạt 18/19 tiêu chí;	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19	10	Đạt 19/19 tiêu chí; 48/48 nội dung
Đạt thêm 06 thôn, làng nông thôn mới (trong đó: 01 làng đồng bào DTTS theo Chỉ thị 12)					

PHỤ LỤC 03									
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ THÔN, LÀNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022 (Đăng ký với huyện)									
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 02 năm 2022)									
STT	Địa bàn	Thực trạng năm 2021			Lộ trình đạt chuẩn giai đoạn 2021-2025 (năm)				Ghi chú
		Thực trạng	Tiêu chí đã đạt	Nội dung, tiêu chí chưa đạt	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Thôn Mook Đen 2, xã Ia Dom	Đạt 13/19 tiêu chí	1; 2; 3; 4; 5; 7; 11; 12; 14; 16; 17; 18; 19	6; 8; 9; 10; 13; 15	6; 8; 13	9; 10; 15			Tiếp tục thực hiện các giải pháp đạt thêm các tiêu chí để đảm bảo đúng lộ trình đạt chuẩn theo Đề án số 12/ĐA-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện (Đề đăng ký đạt chuẩn thôn, làng nông thôn mới phải đảm bảo tối thiểu 14 tiêu chí).
2	Thôn Mook Đen 1, xã Ia Dom	Đạt 13/19 tiêu chí	1; 2; 3; 4; 5; 7; 11; 12; 14; 16; 17; 18; 19	6; 8; 9; 10; 13; 15	6; 8	13; 15	9; 10		
3	Làng Bi, xã Ia Dom	Đạt 12/19 tiêu chí	1; 2; 3; 4; 5; 7; 11; 13; 16; 17; 18; 19	6; 8; 9; 10; 12; 14; 15	6; 8; 12	14; 15	9; 10		
4	Thôn Cửa khẩu, xã Ia Dom	Đạt 17/19 tiêu chí	1; 2; 3; 4; 5; 7; 9; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19	6; 8				6; 8	
5	Thôn Thanh Tân, xã Ia Krêl	Đạt 17/19 tiêu chí	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19	10; 13	13	10			
6	Thôn Ia Lâm Tôk, xã Ia Krêl	Đạt 17/19 tiêu chí	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19	10; 13		13	10		
7	Làng Krol, xã Ia Krêl	Đạt 17/19 tiêu chí	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19	10; 13			13	10	
8	Làng Tung, xã Ia Nan	Đạt 13/19 tiêu chí	1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 11; 12; 15; 18; 19	9; 10; 13; 14; 16; 17	14; 13	16; 17	9; 10		
9	Làng Nù, xã Ia Nan	Đạt 13/19 tiêu chí	1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 11; 12; 16; 18; 19	9; 10; 13; 14; 15; 17	14; 13	15	17	9; 10	
10	Làng Yít Rông 2, xã Ia Din	Đạt 13/19 tiêu chí	1; 2; 3; 4; 6; 7; 8; 12; 14; 15; 16; 18; 19	5; 9; 10; 11; 13; 17	13; 17	5; 9; 10; 11			
11	Thôn Đoàn Kết, xã Ia Din	Đạt 12/19 tiêu chí	1; 3; 4; 6; 7; 8; 12; 14; 15; 16; 18; 19	2; 5; 9; 10; 11; 13; 17	2; 13	5; 9; 17	10; 11		
12	Thôn Đồng Tâm 1, xã Ia Din	Đạt 12/19 tiêu chí	1; 3; 4; 6; 7; 8; 12; 14; 15; 16; 18; 19	2; 5; 9; 10; 11; 13; 17	2; 13	5; 17	9; 11	10	
13	Làng Gào, xã Ia Lang	Đạt 14/19 tiêu chí	1; 3; 4; 7; 8; 9; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19	2; 5; 6; 10; 11	5; 6	2; 10; 11			
14	Làng Klüh Yêh, xã Ia Lang	Đạt 14/19 tiêu chí	1; 3; 4; 7; 8; 9; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19	2; 5; 6; 10; 11	2	5; 6	11	10	
15	Thôn Ia Tang, xã Ia Kla	Đạt 14/19 tiêu chí	1; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 11; 12; 14; 15; 16; 17; 19	2; 9; 10; 13; 18	2; 13; 18	9	10		
16	Làng Sung Le Tung, xã Ia Kla	Đạt 12/19 tiêu chí	1; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 12; 14; 15; 16; 19	2; 9; 10; 11; 13; 17; 18	13; 17; 18	2	9	10; 11	
17	Làng Poong, xã Ia Dok	Đạt 14/19 tiêu chí	1; 3; 4; 6; 5; 7; 8; 11; 12; 14; 15; 16; 18; 19	2; 9; 10; 13; 17	13; 17	2; 10			
18	Thôn Lê Kim, xã Ia Dok	Đạt 12/19 tiêu chí	1; 3; 4; 6; 7; 8; 12; 14; 15; 16; 18; 19	2; 5; 9; 10; 11; 13; 17	9; 17	2; 9	5; 10		
19	Làng Dok Lah, xã Ia Dok	Đạt 12/19 tiêu chí	1; 3; 4; 6; 7; 8; 12; 14; 15; 16; 18; 19	2; 5; 9; 10; 11; 13; 17	2; 17	5; 13	9; 11	10	
20	Làng Nuk, xã Ia Kriêng	Đạt 16/19 tiêu chí	1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 11; 12; 14; 15; 16; 17; 18; 19	9; 10; 13	13	9	10		
21	Làng Lung Prông, xã Ia Kriêng	Đạt 13/19 tiêu chí	1; 3; 4; 6; 7; 8; 11; 12; 14; 15; 16; 18; 19	2; 5; 9; 10; 13; 17	2; 17	5; 13	9	10	
22	Làng Ấp, xã Ia Kriêng	Đạt 12/19 tiêu chí	1; 3; 4; 6; 7; 8; 12; 14; 15; 16; 18; 19	2; 5; 9; 10; 11; 13; 17	2; 17	5; 13	9	10; 11	
23	Làng Triêl, xã Ia Pnôn	Đạt 16/19 tiêu chí	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19.	9; 10; 11	9	11	10		
24	Làng Chan, xã Ia Pnôn	Đạt 13/19 tiêu chí	1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 12, 14, 15, 16, 18, 19.	2; 9; 10; 11; 13; 17	17	9	2	10; 11; 13	
25	Làng Trol Đeng, thị trấn Chư ty	Đạt 15/19 tiêu chí	1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 11; 12; 13; 14; 16; 18; 19	9; 10; 15; 17	9; 15;	10; 17			